

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

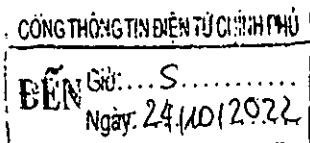
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2022/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 18 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí
bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật
và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán
kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm
pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày
06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của
Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài
chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà
nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện
hệ thống pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 4436/TTr-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Nghị quyết quy định lập dự toán, quản
lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy
phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;
báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh
phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện
hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp.

Điều 2. Nguyên tắc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Nguyên tắc lập dự toán, phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 2 và khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

b) Đối với kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật năm 2022, các sở, ban, ngành tỉnh được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và địa phương bố trí, sắp xếp trong phạm vi dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 đã được giao để thực hiện.

2. Thanh toán và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Việc thanh toán và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.

a) Đối với kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo phương thức khoán trên sản phẩm hoàn thành, chứng từ thanh toán gồm:

- Quyết định hoặc văn bản phê duyệt chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền (nếu có);
- Tờ trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Văn bản quy phạm pháp luật được cấp có thẩm quyền ban hành.

b) Đối với kinh phí cho công tác thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo phương thức khoán trên sản phẩm hoàn thành, chứng từ thanh toán gồm:

- Văn bản đề nghị thẩm định;
- Văn bản phân công thẩm định hoặc ý kiến phê duyệt của người có thẩm quyền (nếu có);
- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Hội đồng tư vấn thẩm định (nếu có);
- Báo cáo thẩm định.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định không ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp thì cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản được phép thanh, quyết toán phần kinh

phí đã thực hiện tương ứng theo quy định về nội dung chi, mức chi tại Nghị quyết này trên cơ sở chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hiện trên cơ sở các hoạt động, nội dung chi, mức chi quy định tại Điều 4, Điều 5 của Nghị quyết này và được thực hiện như sau:

Cấp ban hành văn bản	Nghị quyết		Quyết định	
	Ban hành mới hoặc thay thế	Sửa đổi, bổ sung một số điều	Ban hành mới hoặc thay thế	Sửa đổi, bổ sung một số điều
Tỉnh	30 triệu đồng/dự thảo	24 triệu đồng/dự thảo	20 triệu đồng/dự thảo	16 triệu đồng/dự thảo
Huyện	15 triệu đồng/dự thảo	12 triệu đồng/dự thảo	10 triệu đồng/dự thảo	08 triệu đồng/dự thảo
Xã	10 triệu đồng/dự thảo	08 triệu đồng/dự thảo	08 triệu đồng/dự thảo	6,4 triệu đồng/dự thảo

2. Kinh phí cho hoạt động thẩm định, thẩm tra đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm cả kinh phí họp, nhận xét, báo cáo và các công việc khác liên quan đến công tác thẩm định

a) Kinh phí thẩm định, thẩm tra đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh là 3.700.000 đồng.

b) Kinh phí thẩm định, thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:

- Trường hợp ban hành mới là 2.000.000 đồng.

- Trường hợp sửa đổi, bổ sung 1.500.000 đồng.

3. Ngoài định mức phân bổ kinh phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, trong trường hợp cần thiết thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí từ khoản kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị để hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Điều 4. Nội dung chi

Căn cứ tính chất của từng hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ thực hiện chi theo những nội dung sau:

1. Tổng kết việc thi hành pháp luật hiện hành, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội; tập hợp, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan phục vụ quá trình nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

3. Dịch, hiệu đính tài liệu dịch, văn bản tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số sang tiếng Việt; dịch, hiệu đính tài liệu dịch, văn bản tiếng Việt sang tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số.

4. Lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

5. Tổ chức soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

6. Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới); xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính (nếu có quy định thủ tục hành chính).

7. Tổ chức Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định, Hội đồng thẩm tra; lấy ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học (trong trường hợp cần thiết).

8. Xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; văn bản góp ý.

9. Chính lý, hoàn thiện các loại đề cương, tờ trình, báo cáo, dự thảo văn bản.

10. Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Điều 5. Định mức chi cụ thể

1. Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân

a) Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: Mức chi 1.500.000 đồng/đề cương;

b) Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: Mức chi 950.000 đồng/đề cương.

2. Chi soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật

a) Văn bản mới hoặc thay thế: Mức chi 4.800.000 đồng/dự thảo văn bản.

b) Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: Mức chi 4.000.000 đồng/dự thảo văn bản.

3. Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

a) Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Mức chi 3.000.000 đồng/tờ trình.

b) Bản tổng hợp, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân; dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân:

- Văn bản mới hoặc thay thế: Mức chi 900.000 đồng/báo cáo.

- Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: Mức chi 600.000 đồng/báo cáo.

c) Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, thành viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân; dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân:

- Văn bản mới hoặc thay thế: Mức chi 500.000 đồng/báo cáo.

- Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: Mức chi 300.000 đồng/báo cáo.

d) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách: Mức chi 8.000.000 đồng/báo cáo.

đ) Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo văn bản *(nếu trong dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới)*: Mức chi 2.000.000 đồng/báo cáo.

e) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản *(nếu trong dự thảo có quy định thủ tục hành chính)*: Mức chi 2.000.000 đồng/bản đánh giá thủ tục hành chính.

g) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: Mức chi 4.000.000 đồng/báo cáo.

h) Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

- Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tư pháp: Mức chi 6.800.000 đồng/báo cáo.

- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Mức chi 5.000.000 đồng/báo cáo.

- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện: Mức chi 1.800.000 đồng/báo cáo.

- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề, đột xuất: Mức chi 10.000.000 đồng/báo cáo.

- Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật: Mức chi 5.000.000 đồng/báo cáo.

4. Soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản của cơ quan thẩm định, thẩm tra

a) Văn bản góp ý đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân; dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân: Mức chi 350.000 đồng/văn bản.

b) Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân; dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân: Mức chi 750.000 đồng/báo cáo.

5. Chinh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, tờ trình văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân: Mức chi 300.000 đồng/lần chỉnh lý.

6. Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác soạn thảo, đánh giá tác động, góp ý, thẩm định, thẩm tra văn bản; điều tra, khảo sát; theo dõi, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật

a) Chủ trì: Mức chi 150.000 đồng/người/cuộc họp.

b) Các thành viên tham dự: Mức chi 100.000 đồng/người/cuộc họp.

c) Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự: Mức chi 400.000 đồng/văn bản.

7. Chi lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập: Trong trường hợp đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đề nghị, dự kiến chương trình xây dựng

văn bản quy phạm pháp luật; tờ trình, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các báo cáo chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp phải lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập thì mức chi 1.500.000 đồng/văn bản.

8. Trường hợp thuê dịch và hiệu đính tài liệu dịch thì mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

9. Ngoài các định mức chi nêu từ khoản 1 đến khoản 8 Điều này, mức chi cho những nội dung khác được thực hiện và áp dụng theo các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, gồm:

a) Đối với các khoản chi công tác phí cho cán bộ đi công tác trong nước; chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, tọa đàm, sơ kết, tổng kết: Thực hiện theo Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

b) Đối với các khoản chi cho việc tổ chức các đoàn đi khảo sát ở nước ngoài: Thực hiện theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

c) Đối với việc tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát, điều tra xã hội học: Thực hiện theo Nghị quyết số 59/2018/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

d) Đối với các khoản chi lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa phục vụ cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật: Sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông và các văn bản hướng dẫn liên quan.

đ) Chi rà soát, hệ thống hóa văn bản phục vụ trực tiếp công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện hệ thống pháp luật được thực hiện theo Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh phê chuẩn định mức một số khoản chi có tính chất đặc thù trong kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

e) Đối với dự thảo có quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn, thực hiện theo Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

g) Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 38/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

3. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 18 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 10 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu - UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, KBNN, Cục Thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái